

GIỚI CATU TRONG QUỸ ĐẠO QUY TỰ, VẬN HÀNH VÀ ĐIỀU CHỈNH VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG TỘC NGƯỜI

BÙI QUANG THANH*

1. Có thể đi đến thống nhất một điều là: ở hầu khắp các tộc người Việt Nam nói riêng và khu vực Đông Nam Á nói chung, luôn luôn có sự tồn tại trong một *cộng đồng cư trú* nhất định một *không gian văn hóa chung*, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh hoặc điều hành các sinh hoạt văn hóa xã hội và liên quan đến vận mệnh sống còn của từng thành viên cộng đồng đó. Cấp độ cộng đồng ở đây được xác định ít nhất là một dòng họ có quan hệ huyết thống trở lên và sự mở rộng cộng đồng do sự liên kết giữa các dòng họ nhiều hay ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và xã hội, ôm trùm lên cả là cộng đồng của một tộc người trong không gian lớn nhất của một quốc gia đa dân tộc.

Xem xét trong cộng đồng các tộc người cư trú trên địa bàn dọc theo dãy Trường Sơn kéo dài đến vùng đất Tây Nguyên của Việt Nam, dễ dàng nhận ra sự tồn tại của một cộng đồng cư trú theo phạm vi thôn,

bản (một dòng họ hoặc nhiều dòng họ hợp lại) bao giờ cũng gắn kết với sự tồn tại của một không gian văn hóa chung được quy định và có sự đồng cảm, đồng ý chí của mọi thành viên trong cộng đồng. Không gian văn hóa cộng đồng đó thường bao gồm hai phần: *Không gian văn hóa kín* (nhà chung do cộng đồng góp công góp của dựng lên) và *không gian văn hóa mở* (sân chơi, quảng trường thực hành các lễ hội có sự hiện diện của tất cả - số đông các thành viên trong cộng đồng...). Đương nhiên, vẫn có các tộc người mà ở đó cộng đồng cư trú nhất định chỉ có một không gian văn hóa mở và không có (hay đã có và hiện không tồn tại) hoặc chưa có (do điều kiện kinh tế, phương thức canh tác du canh du cư, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, hay do các nguyên nhân tín ngưỡng, tâm lý, thói quen sinh hoạt xã hội) một không gian sinh hoạt văn hóa kín (ngôi nhà chung cho sở hữu cộng đồng). Điều đó

* TS. Bùi Quang Thanh, Viện Văn hóa - Thông tin

được biểu hiện qua thực tế cụ thể là dù cùng sống trong một môi trường địa lý giống nhau nhưng dọc theo địa hạt Trường Sơn – Tây Nguyên, khá nhiều dân tộc / tộc người không có sự hiện diện ngôi nhà chung mang tính sở hữu cộng đồng thì ngược lại, lại có các dân tộc bản địa có ngôi nhà chung được gọi theo các tên gọi khác nhau như Hnam roong (Bana), Rung, Rong, Gơng (Giarai), Rung, Roong, Cươt (Xơđăng), Goong (Rơmăm), Ương, Ứng (Giẻ - Triêng), Guol (Catu),... Đây là bằng chứng cụ thể và sống động về một truyền thống lâu đời của các hình thức kiến trúc cổ truyền được sáng tạo bởi những cư dân thuộc hệ ngôn ngữ Môn – Khơme dòng Nam Á. Tuy nhiên, nếu nhìn rộng ra một số khu vực cư dân Đông Nam Á (chẳng hạn Philipin, Indônêxia...) và một phần vùng Atxam của Ấn Độ dễ bắt gặp sự tồn tại những hình thức *nhà chung, nhà công cộng* mà ở đó, tồn tại nhiều nét tương đồng về các hình thức biểu hiện của thiết chế văn hóa xã hội theo những chu trình hoạt động mang tính quỹ đạo chung của văn hóa cộng đồng. Cạnh đó, còn là sự tương đồng và gặp gỡ nhau ở các chức năng cơ bản của ngôi nhà chung, đáp ứng những vấn đề đối nội, đối ngoại và cách thức ứng xử của cộng đồng đối với mọi điều kiện tự nhiên và xã hội.

2. Lâu nay, khái niệm “Nhà Guol Cotu” được đa số các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian sử dụng và trở thành cách gọi quen, thông dụng trên sách báo trung ương, địa phương cũng như trong đời sống sinh hoạt xã hội thường ngày, tương tự

như khái niệm / cách gọi nhà rông của một số những dân tộc Bắc Tây Nguyên hay như cách gọi đình làng của người Việt. Trong ngôn ngữ tộc người sử dụng nó, Guol có nghĩa là “chung”, “của dân làng”, “cả dân làng”, “của cộng đồng”, “của mọi người”. Trong quá trình diễn dã ở các huyện Tây Giang, Đông Giang và Nam Giang, nơi đồng bào Catu sinh sống đồng nhất thuộc tỉnh Quảng Nam và tổ chức thảo luận với các già làng, trưởng thôn của các xã có các Guol tiêu biểu (Guol thôn Pơ Ning xã Lăng, Tây Giang, Guol thôn Gừng thuộc thị trấn P'rao, Đông Giang và Guol thị trấn Chàvål thuộc xã Chàvål, Nam Giang), chúng tôi thấy, hầu hết các già làng – những người thuộc diện am hiểu văn hóa truyền thống tộc người sâu sắc nhất - đều phản đối cách gọi/ cách ghép từ *nhà* vào với từ *Guol* thành khái niệm *Nhà Guol Cotu*. Theo cách lý giải của các già làng: Tự thân khái niệm “nhà” chỉ dùng để chỉ một không gian sinh sống mang tính gia đình hay không gian dành cho hội họp, tập trung mang tính toàn xã hội, tiếng Catu gọi là *Đong ắt*. Trong không gian của “Đong ắt” không bị chế ngự bởi một tín ngưỡng thiêng gì cả, nên ở đây vợ chồng, con cái sinh hoạt đời thường tự nhiên, trai gái quan hệ tình cảm vô tư, súc vật đi lại tự do,... Và như thế, không gian đó đồng nghĩa với sự không trong sạch, uế tạp và không bao giờ các thần thánh linh thiêng nhòm ngó đến chứ chưa nói là đến ngự trị. Trong khi đó, tự thân khái niệm “Guol” đã đủ nghĩa giới thuyết về một không gian trong sạch, linh thiêng thuộc sở hữu cộng đồng do các thành viên cộng đồng góp tài

trí, vật lực sáng tạo nên, và tự thân nó đã hàm nghĩa để chỉ một thiết chế truyền thống, một kiểu kiến trúc riêng của tộc người. Nếu gắn khái niệm “nhà” chứa đựng ý nghĩa xô bồ, thiếu trong sáng đi kèm khái niệm “Gươl” linh thiêng và vốn đã đủ nghĩa theo góc độ ngôn ngữ của cộng đồng là vi phạm điều cấm kỵ trong luật tục, vi phạm tín ngưỡng từng được cộng đồng xác định và coi trọng từ thế hệ này qua thế hệ khác. Theo quan điểm của các già làng, chỉ được phép sử dụng trong ngôn ngữ thường ngày hay trên các sách báo khái niệm “Gươl” độc lập, đi vào “Gươl”, có mặt tại “Gươl”, mang lễ vật đến “Gươl”... chứ không nói vào “nhà Gươl”, tập trung tại “nhà Gươl”,...

Cũng trên sách báo, các công trình khoa học,... lâu nay đã và đang tồn tại nhiều khái niệm tộc danh cho cách gọi tên của một tộc người là: Catu, Cotu, K'tu, Cờtu, Gao, Hạ, Phương, Catang. Vậy, đâu là cách gọi đúng với bản chất của một tộc danh hay đây chỉ là sự đồng nghĩa – dị âm của các khái niệm? Trong thực tế, cũng như hầu khắp các tộc người khác của cộng đồng đa dân tộc Việt Nam và cộng đồng các dân tộc vùng Đông Nam Á (nếu không nói đó là hiện tượng phổ biến trên thế giới), người Catu thường lấy tên rừng, tên núi, suối nước, tên đất, hay một đặc điểm nào đó về thế đất, hướng đất, nơi cư trú để đặt tên cho làng/thôn mình. Ví dụ như Găng là một loại cỏ thụ được đặt tên cho thôn Găng (nay gọi quen thành tên Gừng ở xã Lăng huyện Tây Giang), cây P'rao được gọi tên cho thôn P'rao thuộc thị trấn Prao huyện Đông Giang, sông A Vương

được đặt tên cho xã A Vương, sông Lăng gọi tên cho xã Lăng, sông Kôn gọi tên cho xã Kôn (thị xã Sông Kôn),...Đó trước hết là do con người khi cư trú trên một địa bàn nào đấy, mọi hoạt động của đời sống ăn, ở, tồn tại đều gắn bó chặt chẽ với suối nước, với rừng núi, với cây cối,...

Xét về khởi thủy, tổ tiên của người Catu luôn gắn cuộc đời của mình, của dòng họ mình với vùng núi cao hiểm trở và mọi cuộc du canh du cư của họ luôn hướng về ngọn nguồn các con sông, con suối. Theo quan niệm lâu đời và thành tập tục truyền thống của cộng đồng người này: Chỉ có sống trên núi cao mới dễ tự vệ cho sự tồn tại của dòng họ mình trước sự hủy diệt, đe dọa của thú dữ hay các cộng đồng xa lạ. Và, cũng chỉ cư trú ở đầu nguồn các con sông, suối mới được hưởng sự trong sạch của dòng nước phát sinh từ lòng đất hay từ trên trời dội xuống, nguồn nước không bị chất độc của lá rừng tàn phá, không bị chất thải của muông thú làm vẩn đục... Tìm hiểu qua các già làng có học thức, thông thái ở thôn P'ơ Ning (các ông Colâu Năm, Colâu Choi), thôn Nal (ông A Lăng Mười), thôn Aró (ông A Lăng Kơ) xã Lăng huyện Tây Giang, cán bộ lãnh đạo huyện Tây Giang (Phó chủ tịch huyện Bh'riu Liéc), cán bộ xã Chàval huyện Nam Giang (chủ tịch xã Blúp Nghiét), cán bộ thị trấn P'rao huyện Đông Giang (Chủ tịch thị trấn A Lăng Pari), chúng tôi đều được nghe rằng: Người dân của dân tộc này đều coi tổ tiên của họ sống ở vùng rừng núi hiểm trở và theo hệ ngôn ngữ của họ gọi là *Ca – coong dading* và các nhóm người hay dòng họ sống bên bờ

của các đầu nguồn sông hoặc suối được gọi là *Tu tâm đác* (hay *Tu tâm nác*!). Xuất phát từ những điều kiện địa hình, vị trí địa lý và đặc trưng văn hóa riêng mà những người đứng đầu nhóm người, dòng họ cùng huyết thống hay cộng đồng người nhất định đã lấy âm đầu của hai từ *Ca - coong* *dading* và *Tu tâm đác* (*nác - nước*) ghép lại để đặt tên cho cộng đồng tộc người của mình là *Catu*. Cũng theo những người được phỏng vấn này, trong ngôn ngữ *Catu* thì chữ *Cơ* bắt nguồn từ chữ *Cocoong* lại có nghĩa là con cú vọ, một loại chim dữ thường sống ở rừng già âm u, chủ yếu hoạt động vào đêm, rình bắt chuột, lợn con, hay ăn thức ăn cúng cho người chết. Theo quan niệm của người dân, nếu thôn bản nào trong đêm vang lên tiếng kêu của loài chim này, tất sẽ có điều chẳng lành xảy ra (người ốm, người chết, dịch bệnh,...). Loài chim này có lẽ là chim cú mèo xuất hiện ở các khu vực cư trú của người Kinh vùng đồng bằng Bắc Bộ. Và như vậy, theo các già làng và những người có học thức của dân tộc này thì nếu gán cho dân tộc họ tộc danh *Cotu* là không đúng, là sai cả về bản chất ngữ nghĩa lẫn ý nghĩa đặc trưng xã hội của cộng đồng tộc người. Phải gọi là *Catu* mới chuẩn mực và hợp với cách gọi truyền thống của cư dân bản địa. Vấn đề tộc danh xác định theo căn cứ này có lẽ hợp lý và khoa học, các nhà khoa học cần xem xét và cân nhắc để có cách gọi thống nhất và phù hợp với sự tồn tại của tộc người *Catu* hiện nay.

3. Đã có nhiều bài báo, công trình khoa học công bố các vấn đề liên quan đến *Girol Catu*, từ kỹ thuật, công nghệ dựng nhà

theo cốt cách và vật liệu truyền thống đến các chức năng và ý nghĩa của nó đối với đời sống sinh hoạt văn hóa xã hội trong phạm vi không gian các làng/thôn của người *Catu*.

Nếu chỉ xem xét và áp dụng kỹ thuật, kỹ năng đó để phục hồi các *Girol* và khoác thêm cho nó các chức năng văn hóa xã hội theo nhu cầu và nhịp sống của cuộc sống đương đại là không khó. Không ít các nhà quản lý văn hóa, chính quyền địa phương ở các huyện, xã có đồng bào các dân tộc cư trú đã triển khai, cung cấp kinh phí hỗ trợ cho các thôn chưa có nhà chung của cộng đồng xây dựng nhà *Girol* văn hóa.

Thực trạng đó cũng đã và đang diễn ra với người *Catu* cư trú trên đất Quảng Nam. Tại xã Chàvål thuộc huyện Nam Giang, một *Girol* mới được dựng trên mặt bằng sát cạnh các dãy nhà làm việc của UBND xã, được coi là công trình chào mừng đại hội Đảng và là nhà văn hóa giành cho dân. Đây là một *Girol* rất đẹp, từ vật liệu đến kiến trúc hoàn toàn theo kiểu truyền thống. Thế nhưng, người dân của thôn A Bát thuần dân tộc *Catu* vẫn đứng dưng trước sự tồn tại của *Girol* này, từ người già đến trẻ em không (hoặc rất ít) lai vãng đến *Girol*, trong khi người dân cả thôn vẫn đã và đang khao khát có được cho cộng đồng làng mình một *Girol* để sinh hoạt. Vì sao có hiện tượng này? Già làng các thôn A Dinh, A Bát, Cầu Đôn và Tà ôn giải thích cặn kẽ. Theo các già, muốn quy tụ được người dân và thu hút được mọi lớp người đến sinh hoạt tại *Girol*, thì trước hết, *Girol* phải do người dân tự góp công góp sức và góp trí lực làm ra. Người dân

phải biết được ngọn ngành cây gỗ, khúc gỗ, tấm gianh đang hiện hữu kia có xuất xứ, gốc gác từ đâu. Mảnh đất dựng lên Gươl đã được cúng thần chưa, cách thức hành lễ để dựng Gươl diễn ra như thế nào và Gươl của làng / thôn nào (Karonon, Bươl, Vêêl) thì phải do bàn tay tài hoa của các nghệ nhân làng đó tạo dựng theo góp ý, tư vấn của người dân làng đó. Có như thế, Gươl mới là niềm tự hào của con người, các thần thánh linh thiêng mới về ngự trị và mang lại ấm no hạnh phúc cho cả làng. Không phải cứ có kinh phí, mua đủ gỗ lát và mời các tay thợ lão luyện Nam Định, Thái Bình vào dựng lên là được. Đây là chưa kể đến sự xâm lấn, chấp vá và tùy tiện đưa vật liệu mới cùng các hoạ tiết chạm khắc hiện đại, kiến trúc kiểu nhà người Việt làm Gươl biến dạng và người dân dễ cảm thấy xa lạ, vô cảm!

Trên thực tế, cho đến nay, với tổng số 197 làng/thôn người Catu sống ở các huyện Tây Giang, Đông Giang và Nam Giang của tỉnh Quảng Nam mới chỉ có hơn 40 làng/thôn có Gươl, đa phần được xây dựng cách đây vài năm đến dăm năm

Thâm nhập thực tế tại Gươl của thôn Pơ Ning – một Gươl tiêu biểu của huyện Tây Giang, chúng tôi được nghệ nhân Colâu Nâm – già làng trực tiếp tổ chức điều hành cả thôn làm Gươl, cho biết cụ thể. Để có được một Gươl hoàn thiện, cần phải giải quyết nhiều công đoạn. Công đoạn đầu tiên thuộc khâu tổ chức, tập trung họp mọi người, mọi thế hệ trong thôn xin ý kiến, phân công nhiệm vụ cụ thể. Những người từ 45 tuổi trở lên họp nhau lại làm ban tham mưu, tư vấn cho

các khâu thiết kế, hành lễ ngày động thổ, chọn vật liệu trên rừng, chọn thế đất và lập hệ thống các biểu tượng, hình vẽ và trang trí nội thất của Gươl. Công đoạn thứ hai là tìm kiếm vật liệu xây dựng. Với người Catu, rừng vừa là nguồn sống thực thể cho con người vừa là ân nhân linh thiêng trợ giúp cho cộng đồng về tinh thần, may mắn, tránh mọi tai ương... Cho nên, để tìm vật liệu trong rừng về làm Gươl, bắt buộc phải có lễ cúng tại cửa rừng, sau đó già làng mới dẫn đầu đội quân của làng vào rừng chặt gỗ, lấy lá. Nguyên tắc đặt ra như một thứ luật tục là, các cây được chọn làm cột - đặc biệt là cột cái của Gươl (r'măng) và các cây lựa về xẻ ván, tạc tượng, khắc các biểu tượng... phải cao, thẳng, không cụt ngọn, không bị dây leo quấn, từ gốc đến ngọn phải to đều, không bị kiến đục thân, không bị sét đánh và phải ở rừng sâu, hiếm trở. Cây chọn làm cột cái (r'măng) và 12 cột phụ (t'nal) phải được lựa chọn, chặt trước khi tiến hành dựng Gươl một mùa rẫy và phải do chủ làng/già làng chủ trì dựng Gươl tự thân đi chọn và chặt nhất đầu tiên.

Trước khi làm Gươl, phải có thầy phong thủy/thầy bói xem cho hướng nhà, ngày động thổ, ngày đặt cây nóc,... Vào ngày động thổ, mọi gia đình phải góp gạo, thịt, cá khô, trứng làm lễ cúng thổ thần, thổ địa, thần rừng, thần núi. Chủ làng trực tiếp khấn lễ và đào hố đất tượng trưng, sau đó mọi người mới tiến hành theo nhiệm vụ và chức trách của mình. Một nguyên tắc xây dựng bất thành văn đặt ra là đẽo cột, khoét lỗ cột, kéo chỉ được phép dùng rìu hoặc dao, không dùng đục,

cửa, bào của người Kinh và thợ làm phải của chính làng mình. Có như vậy, khi Girol dựng xong, làng có quyền tự hào về bàn tay tài nghệ của cộng đồng mình và thấy sản phẩm dựng lên luôn gắn bó gắn gũi và thiêng liêng. Girol là địa điểm thu hút mọi sức mạnh trí tuệ và tinh thần của làng, là nơi gửi gắm niềm tin thiêng liêng của con người với trời đất và bộc lộ sự tuân theo một thiết chế chung do làng đặt ra. Ngày hội khánh thành/khai trương Girol trở thành lễ hội lớn nhất của làng, ngày loan báo cùng trời đất và các vị thần đất, thần rừng, thần núi sự xác lập và hiện hữu chính thức của làng trong lòng cộng đồng dân tộc. Chính vì thế, Girol là biểu tượng chính danh cho niềm tự hào của cả cộng đồng làng, vừa trang trọng linh thiêng vừa gần gũi với từng cá nhân trong cộng đồng. Không phải ngẫu nhiên mà đối với bất kỳ thành viên nam nào của cộng đồng, một ngày đều ít nhất xuất hiện ở Girol 3 lần: buổi sáng trước khi đi làm, buổi chiều sau khi đi nương rẫy về và buổi tối sau bữa ăn của gia đình.

Như vậy là, bước đường tâm linh được sáng tạo ra từ trong tín ngưỡng và nhận thức của con người chính là khoảng cách vô hình nhưng lại tạo ra cách thức đặc địa nhất và dường như duy nhất, đủ sức mạnh quy tụ mọi cách cảm, cách nghĩ và hành vi văn hoá của con người một cách hồn nhiên và tự giác hội nhập vào cộng đồng, tạo nên sức mạnh cộng đồng qua cả vòng đời người nhiều chục năm dài dặc. Đó là cội rễ của niềm tin thiêng liêng được hun đúc tự nhiên trong tâm can mỗi người, tuyệt đối không nên nhận thức một

cách thiển cận và vu cho nó điều tiếng mê tín dị đoan. Đây chính là bài học quản lý cụ thể và sinh động của thực tiễn đời sống văn hóa tộc người cho các nhà quản lý văn hóa và chính quyền địa phương đương đại. Giá trị quy tụ sức mạnh cộng đồng làng/thôn trên đây đồng thời cũng là lời giải đáp cho lý do trống vắng tại các Girol do chính quyền hành xử và xây dựng ở không ít các địa phương miền núi Quảng Nam thời gian qua.

4. Sự quy tụ sức mạnh vật chất và tinh thần của cộng đồng làng/thôn trong quỹ đạo vận hành mọi lễ lối, cách thức sinh hoạt văn hóa xã hội của đồng bào Catu tại các Girol, trên thực tế không bao giờ cứng nhắc mà luôn có sự điều chỉnh một cách tự nhiên, phù hợp với cuộc sống mới theo đúng thói quen, nhận thức của các thành viên cộng đồng. Thực tế cho thấy, cách đây vài chục năm, khi con người còn tự do khai phá, tự do săn bắn để thoả mãn nhu cầu đời sống của mình, cách thức trang trí nội thất của các Girol chỉ xuất hiện và phổ biến các biểu tượng, hình vẽ chim muông, thú rừng phục vụ cho đời sống dân sinh và là nơi ký thác những ước mơ của con người. Nhưng đến khi nhà nước đặt ra luật cấm săn bắt động vật quý hiếm thì trong Girol đã xuất hiện các bức chạm khắc các con vật cấm săn bắt do nhà nước quy định đi kèm với luật tục truyền miệng trong cộng đồng. Tại Girol thôn P'ơ Ning xã Lăng huyện Tây Giang, một bức chạm khắc rộng hơn gang tay và kéo dài theo chiều dài Girol, trên đó chạm khắc các loài động vật quý hiếm, cấm mọi người săn bắn như Dơi (A tông), Gấu (Cờbah), hươu

(Chơ Gơh), sao la (Xoong Soor), chôn (Xoong Pri), rùa (ACoop), rái cá (Bhihoy), báo (Pơrir), tê giác (Bhtrötöt),...

Và cũng tại các Gươl, nếu khi xưa không bao giờ có kiểu lập bàn thờ (người Catu không có tục lệ thờ tổ tiên) thì ngày nay, tại vị trí trang trọng ngay gian giữa, Gươl nào cũng được thiết lập một bàn thờ có ảnh Bác Hồ và một bát nhang được thắp lên vào các ngày lễ hội. Đó là sự chuyển biến trong ý thức của con người và ngay lập tức xác lập các hành vi văn hoá tích cực của cộng đồng tộc người phù hợp với nếp sống văn hóa hiện đại hôm nay, được người dân tự giác chấp nhận, tuân theo.

Thực tế vận hành và điều chỉnh văn hóa theo quỹ đạo truyền thống đó cho chúng ta một bài học về nhận thức trong cung cách quản lý. Sự thực là, mọi nếp sống văn hóa tích cực đương đại, mọi điều luật của xã hội Việt Nam tiên tiến đều có thể hội nhập vào quỹ đạo vận hành của văn hóa truyền thống cộng đồng tộc người một cách bền chắc và tự nhiên, sinh động. Vấn đề chính yếu thực ra lại nằm ở cách thức tiếp cận và trình độ nhận thức, gắn bó với cộng đồng của chính quyền, của các nhà quản lý văn hóa hôm nay. Một khi còn sự áp đặt của quyền, hách dịch và máy móc thì việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến hiện đại sẽ so lệch và không ăn nhập với quỹ đạo vận hành tự nhiên trong đời sống tộc người, dẫn đến kém hiệu quả bên cạnh quỹ đạo vận hành của bản sắc truyền thống cộng đồng đã được người dân sáng tạo, truyền giữ và tuân theo qua nhiều thế hệ.

5. Một điều nữa cần đặt ra là: Xét về chức năng văn hóa, xã hội và ý nghĩa cộng đồng, Gươl Catu cũng có bản chất như nhà Rông của các dân tộc Tây Nguyên, như đình làng của người Việt... Thế nhưng trong thực tế, hàng trăm đình làng của người Việt đã được công nhận là di tích văn hóa, được đầu tư trùng tu, xây dựng, và không ít ngôi đình đã được vinh danh trong cộng đồng quốc gia đa dân tộc. Nhìn về các nhà Rông, các Gươl của đồng bào dân tộc vùng rừng núi, chúng ta vẫn thấy sự thiếu quan tâm công bằng, khách quan và chưa có sự cảm nhận khoa học và đánh giá nó như một thứ di sản văn hóa độc đáo của nước Việt, cần được tôn vinh, bảo tồn và khai thác cho xã hội đương đại.

Một số vấn đề được đề cập và nêu ra trên đây bước đầu theo ý muốn chủ quan của chúng tôi, hy vọng may chăng cung cấp thêm chút tư liệu và mong được sự trao đổi với các nhà sưu tầm, nghiên cứu và nhất là các nhà quản lý văn hóa-xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số trong cộng đồng đa dân tộc Việt Nam./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tư liệu điền dã của cá nhân tại 8 huyện miền núi tỉnh Quảng Nam các năm 2004 và 2005.
2. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam*, Ban Dân tộc Quảng Nam, 2005.
3. *Nhà Rông và nhà Rông văn hóa* - Kỷ yếu, Viện Văn hoá Thông tin, 2004.
4. Tạp chí văn hóa Quảng Nam, Sở VH TT Quảng Nam từ 1999 - 2005.